

Số: ~~506~~/QĐ-CHHVN

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu bến cảng Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị  
giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

### CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 năm 2014;

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP; Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Căn cứ Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24 tháng 06 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2369/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Trung Trung Bộ (Nhóm 3) đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1155/QĐ-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1303/QĐ-CHHVN ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt Quy hoạch chi tiết bến cảng Cửa Việt thuộc cảng biển Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Trên cơ sở đề nghị tại văn bản số 58/TTr-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt "Quy hoạch chi tiết xây dựng khu bến Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030", kèm theo Hồ sơ Quy hoạch do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công trình hàng hải lập; Báo cáo thẩm định ngày 20 tháng 04 năm 2017 của phòng Kế hoạch Đầu tư;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu bến cảng Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với các nội dung chính như sau:

## **1. Phạm vi quy hoạch**

a) Quy hoạch xây dựng khu bến cảng Bắc Cửa Việt có diện tích 24,82ha, thuộc địa phận thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Ranh giới quy hoạch được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp quốc lộ 9;
- Phía Nam giáp sông Hiếu;
- Phía Đông giáp biển Đông;
- Phía Tây giáp khu dân cư.

b) Quy hoạch xây dựng khu bến cảng Nam Cửa Việt có diện tích 95,15ha, thuộc địa phận xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Ranh giới quy hoạch được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp sông Hiếu;
- Phía Nam giáp khu vực dân cư;
- Phía Đông giáp biển Đông;
- Phía Tây giáp Trụ sở Cảnh sát biển và tỉnh lộ 580.

## **2. Chức năng và nhiệm vụ**

Khu bến cảng Cửa Việt thuộc cảng biển Quảng Trị - cảng tổng hợp địa phương (loại II) và có bến chuyên dùng.

## **3. Các chỉ tiêu quy hoạch**

### **3.1. Chỉ tiêu về lượng hàng:**

- Giai đoạn đến năm 2020: 1,6 ÷ 2,1 triệu tấn/năm.
- Giai đoạn đến năm 2030: 3,3 ÷ 4,3 triệu tấn/năm.

### **3.2. Chỉ tiêu về đội tàu:**

Các bến cảng tiếp nhận tàu trọng tải từ 3.000 ÷ 5.000 DWT hoặc lớn hơn giảm tải phù hợp với điều kiện luồng hàng hải. Đối với bến phao xăng dầu tiếp nhận cỡ tàu 40.000DWT.

### **3.3. Nhu cầu sử dụng đất:**

- Giai đoạn đến năm 2020: Tổng diện tích đất quy hoạch 46,46ha gồm:
  - + Khu bến cảng Bắc Cửa Việt: 16,09 ha.
  - + Khu bến cảng Nam Cửa Việt: 30,37 ha.
- Giai đoạn đến năm 2030: Tổng diện tích đất quy hoạch 119,97 ha gồm:
  - + Khu bến cảng Bắc Cửa Việt: 24,82 ha.
  - + Khu bến cảng Nam Cửa Việt: 95,15 ha.

(Diện tích đất quy hoạch giai đoạn sau đã bao gồm diện tích đất quy hoạch giai đoạn trước).

## **4. Tổ chức quy hoạch mặt bằng cảng**

### **4.1. Quy hoạch các giai đoạn phát triển**

#### **a) Quy hoạch khu bến cảng Bắc Cửa Việt**

- Giai đoạn đến năm 2020:

+ Bến cảng tổng hợp: Cải tạo, nâng cấp 02 cầu cảng tổng hợp hiện hữu; hoàn thiện đầu tư xây dựng mới 01 cầu cảng tổng hợp cho tàu 3.000 DWT đến 5.000DWT kết hợp tiếp nhận tàu chở khách. Năng lực thông qua khoảng 0,8 đến 1,1 triệu tấn/năm;

+ Bến cảng xăng dầu: Gồm 01 bến phao hiện hữu cho tàu 40.000DWT; đầu tư xây dựng mới 01 cầu cảng tiếp nhận tàu trọng tải 3.000DWT đến 5.000DWT. Năng lực thông qua đạt khoảng 0,5 đến 1,0 triệu tấn/năm.

- Giai đoạn đến năm 2030:

+ Bến cảng tổng hợp: Đầu tư xây dựng thêm 01 cầu cảng dài 100m, tiếp nhận tàu tổng hợp trọng tải 3.000 DWT đến 5.000DWT, nâng tổng công suất khu bến khoảng 1,2 đến 1,5 triệu tấn/năm;

+ Bến cảng xăng dầu: Đầu tư chiều sâu các cầu cảng, năng lực thông qua khoảng 1,3 ÷ 1,4 triệu tấn/năm.

#### *b) Quy hoạch khu bến cảng Nam Cửa Việt*

- Giai đoạn đến năm 2020: Đầu tư xây dựng 02 cầu cảng chuyên dùng cho tàu 3.000 ÷ 5.000DWT. Năng lực thông qua khoảng 0,2 đến 0,5 triệu tấn/năm.

- Giai đoạn đến năm 2030: Đầu tư xây dựng thêm 03 cầu cảng chuyên dùng phía thượng lưu cho tàu 3.000 ÷ 5.000DWT hoặc lớn hơn giảm tải. Năng lực thông qua khoảng 1,0 ÷ 1,4 triệu tấn/năm.

(Chi tiết về chỉ tiêu quy hoạch khu bến cảng Cửa Việt các giai đoạn tại Phụ lục và bản vẽ kèm theo Quyết định này).

#### 4.2. Phân khu chức năng

##### *a) Quy hoạch khu bến cảng Bắc Cửa Việt*

- Khu bến cảng tổng hợp: Diện tích đất 18,4ha, gồm:

+ Bến cảng hiện hữu: gồm 02 cầu cảng hiện hữu (cầu cảng số 01, 02). Tổng diện tích đất là 5,9ha.

+ Bến cảng đầu tư xây dựng mới: 01 cầu cảng đang xây dựng (cầu cảng số 03) dài 100m và 01 cầu cảng chiều dài 100m (cầu cảng số 04) chức năng tổng hợp kết hợp hành khách. Tổng diện tích xây dựng mới là 4,0ha.

+ Khu logistic: Nằm tiếp giáp quốc lộ 9, diện tích 8,5ha.

- Kho cảng xăng dầu Hưng Phát: gồm bến phao 40.000DWT hiện hữu nhập xăng dầu và hệ thống đường ống, kho bồn bể chứa. Diện tích 3,2ha.

- Kho cảng xăng dầu Petrolimex: Xây dựng mới 01 cầu cảng xuất nhập xăng dầu từ 3.000 ÷ 5.000 DWT và hệ thống đường ống, kho bồn bể chứa. Diện tích 3,2ha.

##### *b) Quy hoạch khu bến cảng Nam Cửa Việt*

- Khu bến cảng chuyên dùng: Gồm 05 cầu cảng dài 510m, tiếp nhận cỡ tàu đến 5.000DWT, bốc xếp các loại hàng hóa phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa các khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Quảng Trị và một phần xăng dầu trong khu vực. Diện tích quy hoạch là 18,81ha.

- Khu kho cảng xăng dầu định hướng phát triển: tiếp giáp phía ngoài biển. Diện tích đất khu kho cảng xăng dầu 13,29ha.

- Khu dịch vụ văn phòng: Bố trí phía ngoài tiếp giáp với tỉnh lộ 580. Diện tích đất khu dịch vụ 7,61ha.

- Khu trung tâm logistics: Diện tích đất khu 33,37ha.

- Khu hạ tầng kỹ thuật đầu mối: Diện tích đất 1,43ha.

- Cây xanh cảnh quan: Diện tích đất khu cây xanh cảnh quan 7,96ha.

- Đường giao thông: Diện tích xây dựng đường giao thông 12,68ha.

### 4.3. Quy hoạch tuyến bến

- Tuyến bến của từng khu bến cảng đảm bảo yêu cầu khai thác an toàn, thuận lợi trong quá trình vận hành chung của toàn bộ cảng.

- Vị trí của tuyến bến sẽ được thỏa thuận cụ thể trong quá trình thực hiện quy hoạch.

- Cao trình đỉnh bến:

+ Khu bến cảng Bắc Cửa Việt: +2,50m hệ hải đồ (bằng cao trình đỉnh bến các cầu cảng hiện hữu);

+ Khu bến cảng Nam Cửa Việt: Từ +2,50m đến +3,20m (hệ hải đồ). Trong quá trình thực hiện, đề nghị Ủy ban nhân tỉnh Quảng trị chỉ đạo cơ quan, đơn vị liên quan, nhà đầu tư nghiên cứu lựa chọn cho phù hợp, bảo đảm kinh tế - kỹ thuật, hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

## 5. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bến cảng

### 5.1. Khu bến cảng Bắc Cửa Việt

#### a) Quy hoạch san nền

- Cao độ đường bãi trong bến cảng thấp nhất: +2,50m (hệ hải đồ).

- Độ dốc san nền đảm bảo thoát nước tự chảy tràn  $i = 0,2\%$ .

- Hướng dốc: San nền cho từng lô, dốc ra xung quanh về phía các trục đường giao thông, thông qua hệ thống thoát nước thoát ra phía biển.

#### b) Quy hoạch giao thông

- Đường giao thông nối với khu bến cảng bằng quốc lộ 9. Hệ thống giao thông nội bộ được kết nối với đường quốc lộ 9 tại vị trí nút giao vào cảng Cửa Việt hiện hữu.

- Hệ thống giao thông nội bộ có 2 loại mặt cắt ngang điển hình:

+ Tuyến trục chính kết nối với quốc lộ 9: Quy mô mặt cắt ngang đường rộng 22,5m, mặt đường 4 làn xe rộng 15m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m, dải phân cách giữa đường rộng 1,5m.

+ Các đường nhánh trong khu bến cảng: quy mô mặt cắt ngang đường rộng 11,5m, mặt đường 2 làn xe rộng 7,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 2m, dải phân cách giữa đường rộng 1,5m.

#### c) Quy hoạch cấp điện

- Phụ tải cấp điện khu bến cảng Bắc Cửa Việt: 8,16 MW.

- Nguồn điện: Dự kiến là nguồn điện trung thế hiện hữu đi ngoài hàng rào của khu bến cảng.

#### d) Quy hoạch cấp, thoát nước

- Nhu cầu tiêu thụ nước khu bến cảng Bắc Cửa Việt là  $611 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

- Nguồn nước cấp được lấy từ đường ống cấp nước bên ngoài cảng.

- Hệ thống thoát nước thải bảo đảm đáp ứng nhu cầu thoát nước chung, được xử lý theo quy định, bảo đảm vệ sinh môi trường.

#### e) Các hạng mục công trình phụ trợ khác

Khu điều hành, hệ thống kho, bãi hàng, bãi đậu xe, hệ thống phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc trong khu bến cảng được quy hoạch đáp ứng nhu cầu hoạt động khai thác theo hướng hiện đại. Hệ thống phòng cháy chữa cháy, môi trường được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

## 5.2. Khu bến cảng Nam Cửa Việt

### a) Quy hoạch san nền:

- Cao độ đường bãi trong khu cảng: Từ +2,50m đến 3,50m (hệ hải đồ).
- Độ dốc san nền đảm bảo thoát nước tự chảy tràn  $i=0,2\%$ .
- Hướng dốc: San nền cho từng lô, dốc ra xung quanh về phía các trục đường giao thông, thông qua hệ thống thoát nước thoát ra phía biển.

### b) Quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Hệ thống giao thông nội bộ trong khu bến cảng được kết nối với tỉnh lộ ĐT.580.
- Giao thông nội bộ: Gồm có 2 loại mặt cắt điển hình
  - + Tuyến trục chính kết nối với tỉnh lộ ĐT 580, quy mô mặt cắt ngang mặt đường rộng 31,5m, bao gồm mặt đường rộng 22,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m, dải phân cách giữa đường rộng 3m có bố trí điện chiếu sáng.
  - + Các đường nhánh trong cảng, gồm: Các tuyến phục vụ vận chuyển hàng container có quy mô mặt cắt ngang đường rộng 26m, bao gồm mặt đường rộng 20m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m; các tuyến đường nội bộ khác có quy mô mặt cắt ngang rộng 16m, bao gồm mặt đường rộng 10m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m.
- Hệ thống thoát nước dọc đường trục chính đối ngoại và đường nội bộ được bố trí phía bên trong vỉa hè.

### c) Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa thiết kế đi riêng, hướng thoát nước chủ yếu theo hệ thống cống chính chạy dọc theo các tuyến giao thông, thoát ra biển hoặc sông và kênh thoát nước hiện hữu.
- Mạng lưới ưu tiên sử dụng cống BTCT hoặc mương xây có nắp đan bằng bê tông cốt thép. Đối với các đoạn tuyến có dải cây xanh cách ly 2 bên đường, cho phép bố trí hệ thống mương hở.
- Lựa chọn các tuyến cống thoát nước chính có đường kính D1000mm, các tuyến cống nhánh có đường kính D600- D800mm.

### d) Cấp điện và hệ thống chiếu sáng

- Các trạm biến áp phân phối cho khu bến cảng được chia làm 2 loại: Trạm biến áp cấp điện cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung khu bến và các trạm biến áp cấp điện riêng cho từng bên cảng (sẽ do chủ đầu tư các bến cảng đầu tư xây dựng). Phụ tải khu bến cảng Nam Cửa Việt theo từng giai đoạn:
  - + Giai đoạn đến năm 2020: 7,03 MW;
  - + Giai đoạn đến năm 2030: 29,44 MW (không bao gồm giai đoạn trước).
- Bố trí đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng đảm bảo an toàn và nhu cầu khai thác của các khu chức năng.

### đ) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Bố trí tổng đài chính hệ thống thông tin liên lạc khu bến cảng (hữu tuyến, vô tuyến) trong phạm vi đất hạ tầng kỹ thuật khu bến cảng, kết nối với hệ thống thông tin liên lạc công cộng (đường dây điện thoại, internet, ...).
- Từ tổng đài chính, mạng lưới thông tin liên lạc được phân phối tới từng bến cảng, kho bãi trong cảng.

### e) Cấp nước và hệ thống cứu hỏa:

- Nhu cầu cấp nước cho toàn bộ khu bến cảng giai đoạn hoàn thiện 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn cung cấp: Được lấy từ đường ống cấp nước bên ngoài khu bến.

*g) Xử lý nước thải và vệ sinh môi trường*

- Tổng nhu cầu thoát nước thải khu bến cảng khoảng 2.300m<sup>3</sup>/ngày đêm. Quá trình thực hiện đầu tư xây dựng tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường.

*h) Các hạng mục công trình phụ trợ khác*

Khu điều hành, hệ thống kho, bãi hàng, bãi đậu xe, hệ thống phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc trong khu bến cảng được quy hoạch đáp ứng nhu cầu hoạt động khai thác khu bến cảng theo hướng hiện đại. Hệ thống phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

**5.3. Quy hoạch luồng tàu và khu quay trở**

- Luồng tàu vào khu bến: Sử dụng tuyến luồng tàu hiện hữu với chuẩn tắc thiết kế bề rộng B=60m, cao độ đáy H=-5,60m (hệ Hải đồ).

- Khu quay trở tàu: Đường kính D=250m, cao độ đáy H=-5,6m (Hải đồ).

**6. Các dự án ưu tiên đầu tư**

- Nạo vét luồng Cửa Việt cho tàu trọng tải 3.000DWT đến 5.000DWT hoặc lớn hơn giảm tải bằng hình thức xã hội hóa.

- Cải tạo, nâng cấp 02 cầu cảng tổng hợp hiện hữu khu bến cảng Bắc Cửa Việt (cầu cảng số 1, 2); Hoàn thiện đầu tư mới cầu cảng số 03 khu bến cảng Bắc Cửa Việt cho tàu tổng hợp trọng tải 3.000 đến 5.000DWT để kết hợp tiếp nhận tàu khách.

**7. Khái toán kinh phí đầu tư**

- Tổng kinh phí đầu tư khoảng 1.100 tỷ đồng, trong đó:

+ Giai đoạn đến năm 2020: 450 tỷ đồng;

+ Giai đoạn đến năm 2020-2030: 650 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn tự huy động của chủ đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**8. Các chính sách, cơ chế và giải pháp thực hiện**

Thực hiện theo Điều 1, Mục 5 - Các chính sách, cơ chế và giải pháp thực hiện tại Quyết định số 2369/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Trung Trung Bộ (Nhóm 3) đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

**Điều 2. Tổ chức quản lý, thực hiện quy hoạch**

**1. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị**

- Chỉ đạo việc lập các quy hoạch của địa phương phù hợp với quy hoạch chi tiết; tổ chức quản lý chặt chẽ quỹ đất xây dựng bến cảng; bố trí quỹ đất theo quy hoạch để phát triển đồng bộ bến cảng và hạ tầng kết nối với bến cảng, khu dịch vụ hậu cần cảng, dịch vụ hàng hải đảm bảo điều kiện hoạt động thuận lợi cho các bến cảng.

- Trước khi cấp vùng đất, vùng nước khu vực quy hoạch đầu tư xây dựng bến cảng, cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư xây dựng bến cảng, đề

ngợi Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị có văn bản lấy ý kiến thống nhất của Bộ Giao thông vận tải về các nội dung liên quan đến quy hoạch bến cảng (công năng, quy mô, thời điểm, tiến độ đầu tư) theo quy định.

- Phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam trong quá trình quản lý, thực hiện quy hoạch khu bến Cửa Việt theo đúng mục tiêu quy hoạch, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc phát triển kinh tế xã hội của ngành và địa phương, phù hợp với quy hoạch được phê duyệt.

- Triển khai đồng bộ các dự án hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc...) phục vụ khu bến Cửa Việt.

- Tổ chức quản lý chặt chẽ quỹ đất, vùng nước để xây dựng phát triển cảng biển và hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được duyệt.

## 2. Cục Hàng hải Việt Nam

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành UBND tỉnh Quảng Trị và các cơ quan liên quan công bố và quản lý thực hiện quy hoạch được duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành UBND tỉnh Quảng Trị và các cơ quan liên quan tham mưu cho Bộ Giao thông vận tải trong việc thỏa thuận đầu tư dự án xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cầu cảng, bến cảng.

- Chủ trì thẩm định, báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định việc cập nhật, bổ sung, điều chỉnh quy mô, chức năng, tiến độ thực hiện các cầu cảng, bến cảng.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế cụ thể để quản lý, khai thác bến phao, khu neo chuyên tải hoạt động dài hạn, tạm thời.

- Thường xuyên phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị và các cơ quan liên quan, tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện quy hoạch phát triển cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải; tổng hợp đề xuất xử lý các dự án không tuân thủ quy hoạch; định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Giao thông vận tải tổng kết tình hình triển khai thực hiện quy hoạch.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1303/QĐ-CHHVN ngày 26/12/2014 của Cục Hàng hải Việt Nam.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam, Trưởng các phòng Kế hoạch Đầu tư, Công trình Hàng hải, Pháp chế, An toàn an ninh hàng hải của Cục Hàng hải Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị liên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND tỉnh Quảng Trị (03b);
- Cục trưởng (để b/c);
- Cảng vụ HH Quảng Trị;
- Lưu: HCLT, KHĐT (05b).

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Đỗ Hồng Thái

### Phụ lục

Thông số quy hoạch chi tiết khu bến cảng Cửa Việt tỉnh Quảng Trị  
giai đoạn 2020, định hướng đến năm 2030  
(Kèm theo Quyết định số 506/QĐ-CHVN ngày 21/04/2017 của Cục HHVN)

STT	Chi tiêu quy hoạch	Đơn vị	Thông số quy hoạch		
			Giai đoạn đến năm 2020	Giai đoạn đến năm 2030	Ghi chú
1	Tổng diện tích quy hoạch	ha	46,46	119,97	
-	Khu Bắc Cửa Việt	ha	16,09	24,82	
-	Khu Nam Cửa Việt	ha	30,37	95,15	
2	Số lượng bến cảng		07	11	
2.1	Khu Bắc Cửa Việt				
-	Bến cảng xăng dầu	cầu	02	02	- 1 bến phao hiện hữu 40.000DWT - 01 cầu cảng mới
-	Bến cảng tổng hợp	cầu	03	04	Kết hợp tiếp nhận tàu chở khách
2.2	Khu Nam Cửa Việt				
-	Bến cảng xăng dầu	cầu	01	01	Phát triển có điều kiện
-	Bến cảng chuyên dùng	cầu	01	04	
3	Tổng chiều dài bến	m	363	838	
4	Cỡ tàu thiết kế				
-	Bến cảng chuyên dùng	DWT	3.000 + 5.000	3.000 + 5.000	
-	Bến phao xăng dầu	DWT	40.000	40.000	
5	Công suất thiết kế	Triệu tấn	1,6+2,1	3,3+4,3	
6	Khu nước trước bến				
-	Chiều rộng	m	40	40	
-	Cao trình đáy (hệ Hải đồ)	m	-6,0	-6,0	
7	Khu quay trở tàu				
-	Đường kính quay trở tàu	m	250	250	
-	Cao trình đáy (hệ Hải đồ)	m	-5,6	-5,6	
8	Luồng tàu				
-	Chiều rộng luồng	m	60	60	
-	Chiều dài luồng	m	2.000	2.000	
-	Cao trình đáy (hệ Hải đồ)	m	-5,6	-5,6	